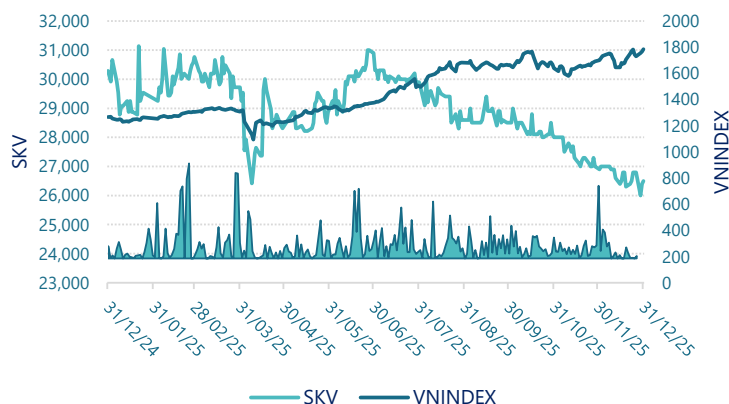


CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,138
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,000
SL cổ phiếu LH	23,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,070
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	610
P/E	8.9
EPS	2,971

DT thuần

Q4/25

317

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.0 | 21.8%

YoY: ▼ 81.0 | -20.4%

LN sau thuế

Q4/25

16.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.20 | 58.8%

YoY: ▲ 2.20 | 15.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.0%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

2025

1,348

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 207 | -13.3%

LN sau thuế

2025

68.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.90 | 9.5%

ROE

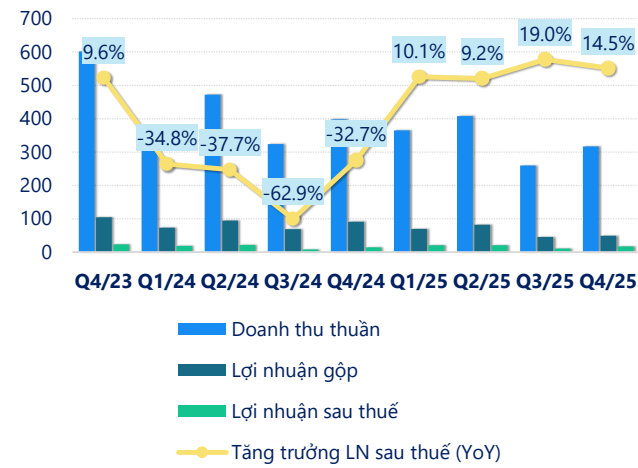
2025

17.6%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

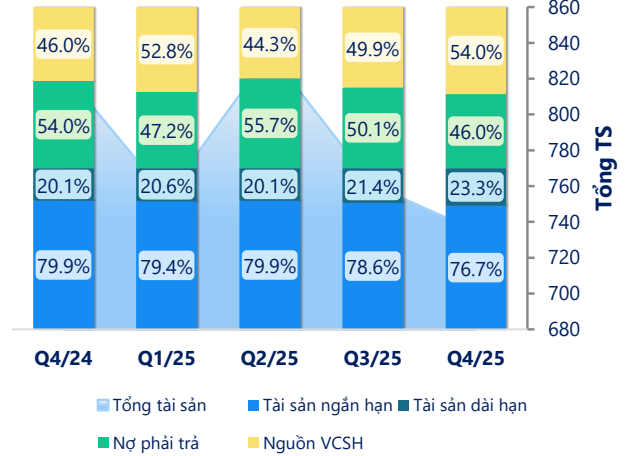
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

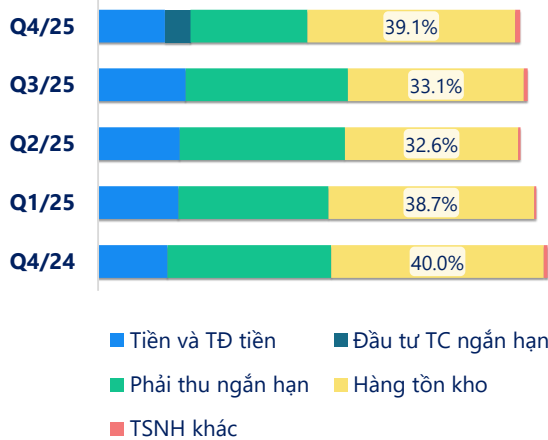
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



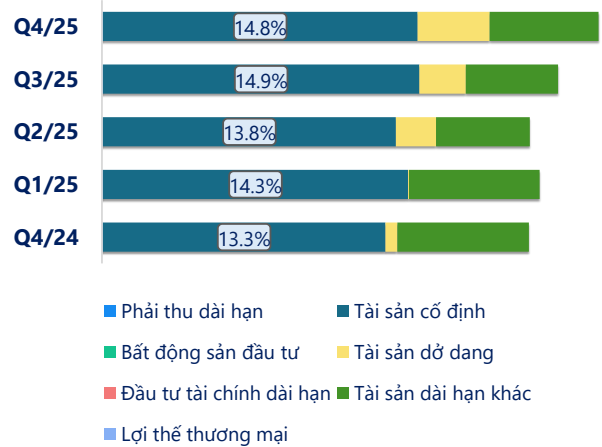
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

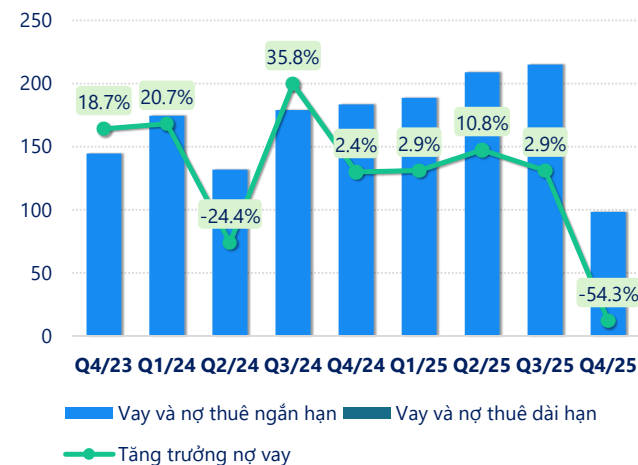
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

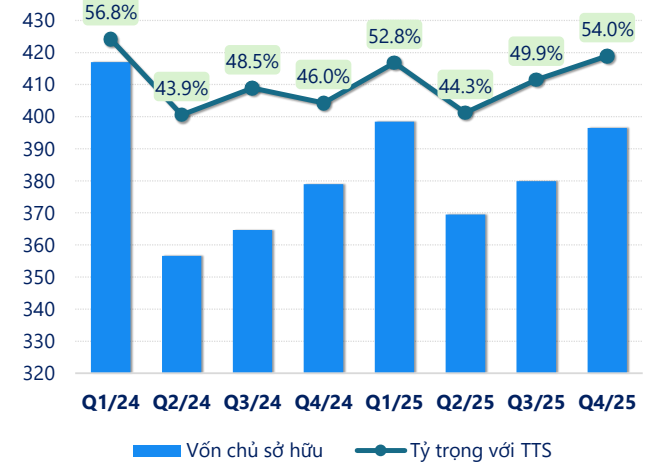
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

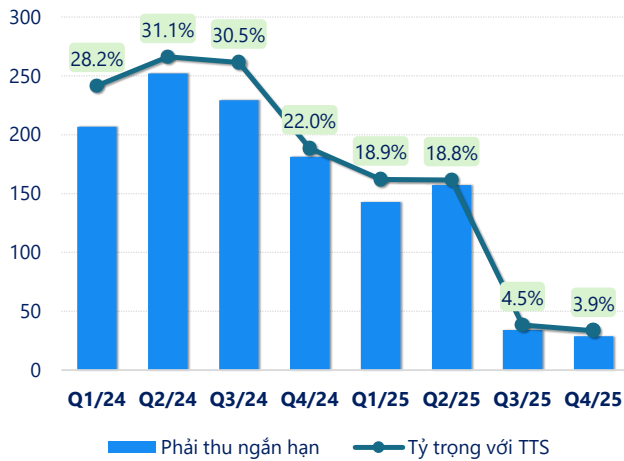
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



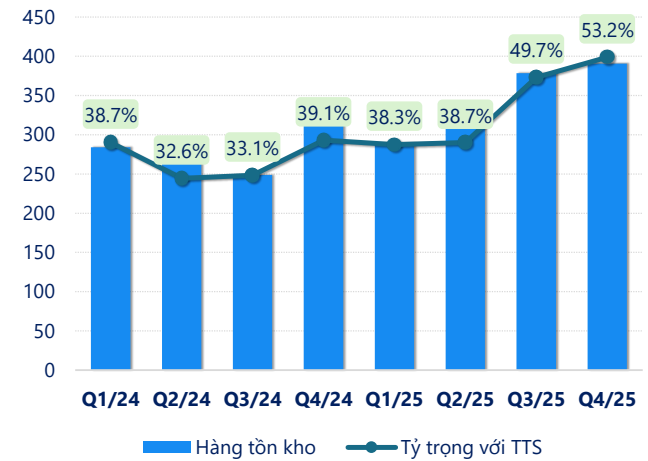
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


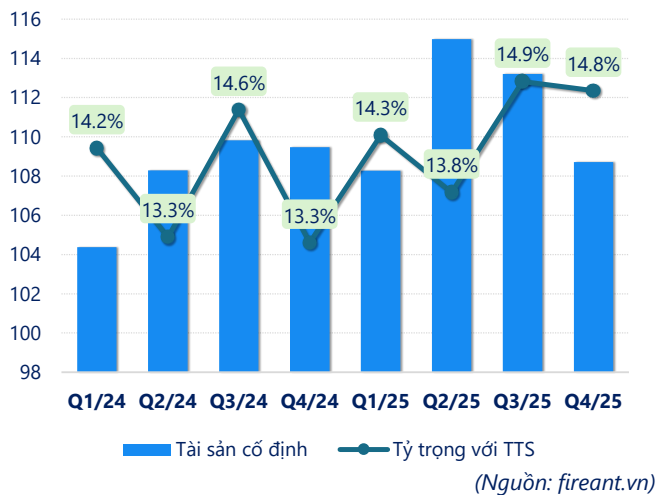
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


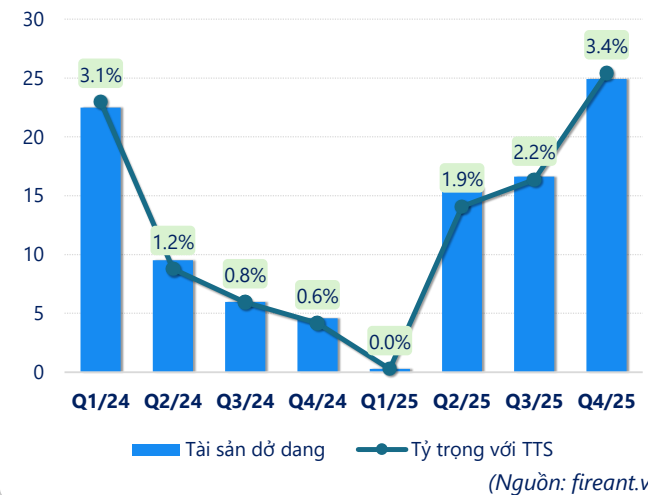
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

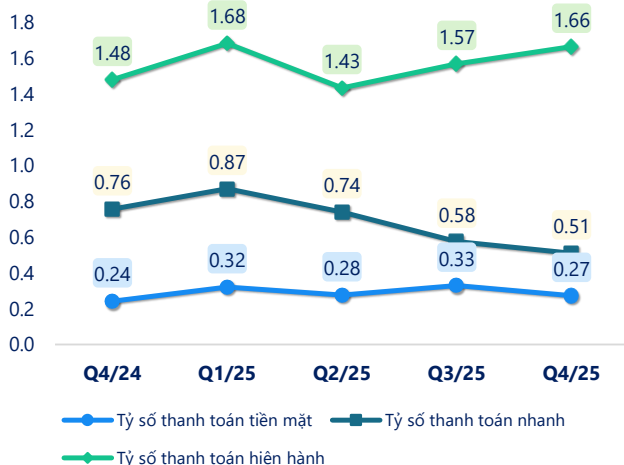
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

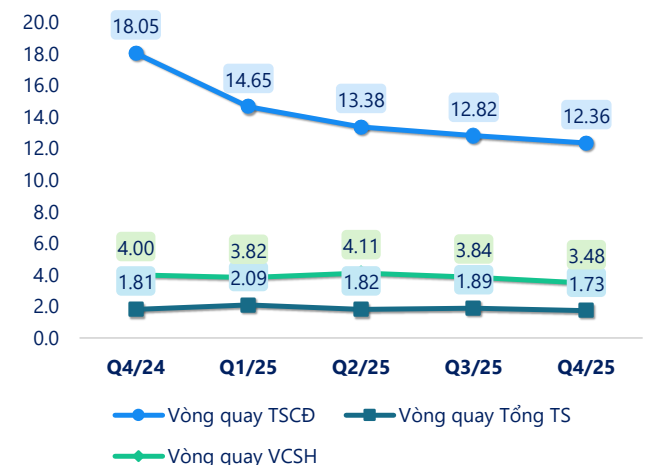
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	824	755	834	761	735
Tài sản ngắn hạn	659	599	666	598	563
Tiền và tương đương tiền	108	114	128	125	92.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.6	40.5	40.5	41.4	41.4
Phải thu ngắn hạn	181	143	157	34.1	28.7
Hàng tồn kho	322	289	322	378	391
Tài sản ngắn hạn khác	8.14	12.6	18.1	18.1	10.3
Tài sản dài hạn	165	155	168	163	172
Phải thu dài hạn	0.34	0.34	0.35	0.33	0.33
Tài sản cố định	109	108	115	113	109
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.58	0.28	15.7	16.6	24.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	51.0	46.4	36.7	33.0	37.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	445	356	465	381	338
Nợ ngắn hạn	445	356	465	381	338
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	189	209	215	98.3
Phải trả người bán ngắn hạn	166	115	138	81.4	144
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	379	398	370	380	397
Vốn chủ sở hữu	379	398	370	380	397
Vốn điều lệ	230	230	230	230	230
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)